

Bản án số: **308/2019/DS-ST**

Ngày: 20/9/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bông H
2. Ông Nguyễn Văn Đ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức T - Cán bộ Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 110/2019/QĐXX-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Số 89, đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C - Số 20, đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 01/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 14 tháng 01 năm 2019)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1984; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 266/10/25, đường L, phường T, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận K, bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/9/2014, ông Nguyễn Minh M có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140920-500001-0088 với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 42.709.785 (Bốn mươi hai triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn,

bảy trăm tám mươi lăm) đồng. Lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng. Mục đích: Vay tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông M có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm cả gốc và lãi là 69.598.000 (*Sáu mươi chín triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn*) đồng, theo hình thức trả chậm liên tiếp trong vòng 35 tháng (34 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.964.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.822.000 đồng). Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2014.

Thực hiện hợp đồng, ông M đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 57,164,000 (*Năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn*) đồng. Trong đó: tiền gốc là 31,905,706 đồng và tiền lãi là 25,258,294 đồng. Kể từ ngày 05/01/2018 ông M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do ông M trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M thanh lý hợp đồng, trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 12,434,000 (*Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi bốn ngàn*) đồng tính đến ngày xét xử, bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 10,804,079 đồng.
- Nợ lãi: 1,629,921 đồng.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tòa án nhân dân quận K đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/6/2019 và 12/8/2019 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là ông Nguyễn Minh M vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ các ý kiến yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

Nhận thấy, Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Minh M cùng ký Hợp đồng tín dụng số 20140920-500001-0088 ngày 22/9/2014. Hiện ông M còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 12,434,000 đồng (bao gồm nợ gốc 10,804,079 đồng và nợ lãi 1,629,921 đồng) là có thật. Do đó ông M có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ông M phải thanh toán số nợ 12,434,000 đồng ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực nếu ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 20140920-500001-0088 ngày 22/9/2014. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Nguyễn Minh M cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 28/6/2019 và 12/8/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh M được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền số tiền 12,434,000 đồng (bao gồm nợ gốc 10,804,079 đồng và nợ lãi 1,629,921 đồng) tính đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay ông M không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, bao gồm: Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140920-500001-0088 ngày 22/9/2014 ông M đã ký với Ngân hàng TMCP V; Điều lệ Ngân hàng TMCP V thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngân hàng và ông M đã thỏa thuận về việc cho vay số tiền 42.709.785 (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm tám mươi lăm*) đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông M có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm cả gốc và lãi là 69.598.000 (*Sáu mươi chín triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn*) đồng, theo hình thức trả chậm liên tiếp trong vòng 35 tháng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M đã thanh toán được 57,164,000 (*Năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn*) đồng. Trong đó: tiền gốc là 31,905,706 đồng và tiền lãi là 25,258,294 đồng. Hiện còn nợ lại 12,434,000 đồng tính đến ngày xét xử, trong đó nợ gốc là 10,804,079 đồng và nợ lãi là 1,629,921 đồng. Từ ngày 05/01/2018 ông M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông M là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định nên Ngân hàng yêu cầu ông M thanh toán số tiền 12,434,000 đồng (bao gồm nợ gốc 10,804,079 đồng và nợ lãi 1,629,921 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền tính đến ngày xét xử là 12,434,000 đồng (bao gồm nợ gốc 10,804,079 đồng và nợ lãi 1,629,921 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, việc ông M ngừng thanh toán kể từ ngày 05/01/2018 đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Xét yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải thanh toán là 621.700 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 310.850 đồng cho Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Nguyễn Minh M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140920-500001-0088 ngày 22/9/2014 số tiền tính đến ngày 20/9/2019 là 12,434,000 đồng (bao gồm: nợ gốc 10,804,079 đồng và nợ lãi 1,629,921 đồng). Tiền lãi này tính đến ngày 20/9/2019.

Thời hạn thanh toán: thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/9/2019, ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh M phải chịu số tiền 621.700 (Sáu trăm hai mươi một ngàn bảy trăm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 310.850 (Ba trăm mười ngàn tám trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu số 0012550 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự QUẬN K.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)